

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1483/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 160/TTr-BKHCN ngày 29 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược” với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược, gắn với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo quốc gia, thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

2. Tổ chức hệ thống đồng bộ, liên thông theo chuỗi từ nghiên cứu công nghệ lõi, công nghệ nền đến phát triển, tích hợp, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận và hoàn thiện sản phẩm; bảo đảm kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng trên phạm vi quốc gia.

3. Đầu tư hệ thống theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát yêu cầu phát triển công nghệ chiến lược; ưu tiên kế thừa, nâng cấp, kết nối và khai thác hiệu quả trên cơ sở hạ tầng hiện có; lấy con người, năng lực vận hành, kết quả đầu ra và hiệu quả khai thác làm trung tâm, bảo đảm nguồn lực đồng bộ trong suốt vòng đời của hệ thống.

4. Phát huy vai trò của Nhà nước trong định hướng, điều phối và đầu tư dẫn dắt; tăng cường liên kết viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, địa phương và tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; thúc đẩy hợp tác công - tư, gắn nghiên cứu với nhu cầu thị trường, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

5. Quản trị theo mục tiêu và kết quả đầu ra, gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình; bảo đảm an ninh, an toàn, dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích quốc gia; chủ động hội nhập, kết nối với các mạng lưới nghiên cứu tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

Đề án triển khai trên phạm vi cả nước, tập trung phát triển phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia nhằm hình thành năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ lõi và công nghệ chiến lược; trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm quốc gia nhằm hình thành năng lực thử nghiệm, đo lường, kiểm định, chứng nhận, đánh giá sự phù hợp, mức độ sẵn sàng công nghệ và hỗ trợ đưa sản phẩm công nghệ chiến lược ra thị trường.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia hiện đại, đồng bộ, kết nối và khai thác dùng chung trên phạm vi toàn quốc, tập trung vào các công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và sản phẩm công nghệ chiến lược; trong đó một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiệm cận trình độ các nước phát triển. Từng bước hình thành năng lực quốc gia về nghiên cứu, thử nghiệm, đo lường, kiểm định, đánh giá sự phù hợp, sản xuất thử và thương mại hóa công nghệ; góp phần nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ, phát triển công nghệ chiến lược và tăng cường tự chủ công nghệ quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn đến năm 2030

a) Nâng cấp, đầu tư mới và đưa vào vận hành tối thiểu 08 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia ưu tiên định hướng trong các lĩnh vực công nghệ số, mạng di động thế hệ sau, robot và tự động hóa, sinh học và y sinh tiên tiến, năng lượng và vật liệu tiên tiến, an ninh mạng và lượng tử, biển, đại dương và lòng đất, hàng không và vũ trụ; tối thiểu 04 trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm quốc gia ưu tiên định hướng trong các lĩnh vực thiết bị bay không người lái, sinh học và y sinh, vật liệu, đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị.

b) Làm chủ tối thiểu 10 công nghệ lõi phục vụ trực tiếp sản phẩm công nghệ chiến lược và các bài toán lớn quốc gia.

c) Tăng trưởng trung bình tối thiểu 18%/năm về số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược tính từ năm thứ ba kể từ khi đưa vào vận hành chính thức theo quy định.

d) Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ của các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; hình thành ít nhất 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ có khả năng phát triển, làm chủ và thương mại hóa công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược.

đ) Hình thành và duy trì mối liên kết chặt chẽ giữa mỗi trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia với ít nhất một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hoặc cụm liên kết viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước; bảo đảm kết quả nghiên cứu, thử nghiệm gắn với nhu cầu thị trường, quốc phòng, an ninh; phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Giai đoạn đến năm 2035

a) Tiếp tục nâng cấp, đầu tư, hình thành hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia hiện đại; kết nối với các mạng lưới hạ tầng nghiên cứu tiên tiến trong khu vực và quốc tế; có một số trung tâm thử nghiệm, phòng thí nghiệm đạt trình độ hàng đầu trong khu vực về lĩnh vực công nghệ chiến lược.

b) Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nền; cơ bản đáp ứng nhu cầu trong nước về nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá và sản xuất thử đối với sản phẩm công nghệ chiến lược; thúc đẩy chuyển giao, thương mại hóa, hỗ trợ doanh nghiệp và lan tỏa công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về xây dựng các văn bản phục vụ công tác quản lý, vận hành

a) Xây dựng, ban hành tiêu chí lựa chọn các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược.

b) Xây dựng chỉ số đánh giá hiệu quả định lượng để giám sát, đánh giá kết quả đầu ra của hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

c) Xây dựng, ban hành quy định về hoạt động, cơ chế vận hành dùng chung của các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

d) Rà soát và ban hành quy định về tổ chức, mô hình quản trị, cơ chế thành lập mới, tổ chức lại, giao quản lý và vận hành hệ thống; cơ chế cho phép các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia được sử dụng các nguồn tài chính từ dịch vụ theo quy định để tái đầu tư và khoản chi hợp lý khác; cơ chế tuyển dụng, chi trả lương cho người lao động cơ hữu và chuyên gia làm việc tại hệ thống theo mức lương thỏa thuận, gắn với vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện.

2. Đổi mới cơ chế đầu tư và tài chính

a) Thực hiện đầu tư theo vòng đời, bảo đảm đồng bộ hạ tầng, trang thiết bị, nguồn nhân lực và điều kiện quản lý, vận hành; việc lựa chọn, nâng cấp và đầu tư mới phải căn cứ yêu cầu phát triển công nghệ chiến lược, nhu cầu, khoảng trống năng lực, khả năng khai thác dùng chung và cam kết kết quả đầu ra; chỉ đầu tư mới khi hạ tầng hiện có không thể đáp ứng thông qua nâng cấp, kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung hoặc thuê dịch vụ.

b) Huy động, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác; áp dụng cơ chế đồng đầu tư, phương thức đối tác công tư khi phù hợp và huy động doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp dẫn dắt ngành tham gia đầu tư, đặt hàng nghiên cứu, thử nghiệm, khai thác kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật.

c) Sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động của hệ thống để phục vụ vận hành, bảo trì, nâng cấp và tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

d) Đặt hàng hoặc tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, thử nghiệm, đánh giá công nghệ mới cho các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia có năng lực phù hợp.

3. Quản trị, tổ chức vận hành và khai thác dùng chung

a) Lựa chọn tổ chức quản lý, vận hành trên cơ sở năng lực nghiên cứu, năng lực công nghệ, chất lượng đội ngũ nhân lực, năng lực và uy tín khoa học của người đứng đầu, năng lực quản trị, khả năng huy động nguồn lực và cam kết kết quả đầu ra.

b) Thực hiện quản trị theo mục tiêu, kết quả đầu ra và hiệu quả khai thác; gắn phân bổ nguồn lực với năng lực công nghệ và tác động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; tăng cường liên kết giữa viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và địa phương trong quản lý, vận hành và khai thác hệ thống.

c) Xây dựng, quản lý, vận hành nền tảng số; công khai thông tin về năng lực, trang thiết bị, dịch vụ, điều kiện tiếp cận, thời gian sẵn sàng và đầu mối liên hệ; xác định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành và người sử dụng.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiếp cận, sử dụng hệ thống để nghiên cứu, thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

4. Phát triển nguồn nhân lực

a) Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu xuất sắc theo mô hình kết nối giữa các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia với viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp.

b) Gắn hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển công nghệ, kiểm định, chứng nhận, đánh giá sự phù hợp, chuyển giao và thương mại hóa với đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, kỹ sư nghiên cứu, kỹ sư vận hành, kỹ thuật viên chuyên sâu và nhân lực chất lượng cao.

5. Hợp tác quốc tế

a) Tăng cường kết nối với các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trong khu vực và quốc tế; thúc đẩy chia sẻ năng lực, sử dụng chung và tham gia các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế.

b) Đẩy mạnh hợp tác trong đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi chuyên gia, phát triển nhóm nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và đồng phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược.

c) Huy động tài trợ, viện trợ và các nguồn lực quốc tế hợp pháp gắn với hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao và đồng phát triển công nghệ.

6. Giám sát, đánh giá hệ thống

a) Thực hiện đánh giá định kỳ hoặc đột xuất về kết quả đầu ra, năng lực công nghệ, hiệu quả khai thác, mức độ dùng chung, khả năng huy động nguồn lực và tác động của hệ thống.

b) Trường hợp sau 03 năm kể từ ngày vận hành chính thức không đạt 70% các chỉ số hiệu quả hoạt động đã cam kết, tổ chức quản lý, vận hành phải xây dựng và thực hiện phương án khắc phục; trường hợp sau 05 năm không đạt các chỉ số đã cam kết, cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh phương án hoặc thay đổi tổ chức quản lý, vận hành theo quy định của pháp luật.

V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn lực thực hiện Đề án gồm ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí hợp pháp của doanh nghiệp và các tổ chức liên quan; nguồn tài trợ, viện trợ, hợp tác công tư, đóng góp hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước; và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước được bố trí theo khả năng cân đối, ưu tiên phát triển các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia phục vụ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược mà xã hội chưa đầu tư hoặc đầu tư chưa đầy đủ.

3. Nguồn ngân sách nhà nước chỉ lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên), đảm bảo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các pháp luật có liên quan.

4. Việc bố trí kinh phí phải đồng bộ trong quá trình từ đầu tư đến bảo đảm kinh phí vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm, thiết bị và nguồn nhân lực cho hệ thống.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối tổ chức triển khai Đề án; hướng dẫn, điều phối, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện, kết quả triển khai, khó khăn, vướng mắc; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đánh giá, tổng kết Đề án và đề xuất định hướng giai đoạn sau năm 2035.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng quy định về tổ chức, mô hình quản trị, cơ chế thành lập mới, tổ chức lại, giao quản lý và vận hành hệ thống.

c) Xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, lựa chọn; xây dựng bộ chỉ số và phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống.

d) Chủ trì tổng hợp nhu cầu, rà soát, đánh giá và lựa chọn theo từng đợt các đề xuất phục vụ nhiệm vụ dân sự và nhiệm vụ lưỡng dụng, không bao gồm các đề xuất phục vụ yêu cầu đặc thù về quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì lựa chọn; thông báo kết quả lựa chọn, theo dõi và tổng hợp tiến độ triển khai.

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành nền tảng số; hướng dẫn kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung và cập nhật dữ liệu hệ thống.

2. Bộ Tài chính

Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ cho hệ thống theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

a) Chủ trì xác định nhu cầu, rà soát, đánh giá, lựa chọn các đề xuất thuộc phạm vi quản lý; tổ chức lập, phê duyệt và triển khai nhiệm vụ, dự án đầu tư, nâng cấp, quản lý và vận hành các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b) Ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí chuyên ngành, tiêu chí đặc thù và cơ chế lựa chọn, quản lý, khai thác, vận hành, đánh giá hiệu quả phù hợp với yêu cầu quốc phòng, an ninh.

c) Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu được phép chia sẻ phục vụ quản lý, điều phối việc kết nối, chia sẻ và khai thác dùng chung của hệ thống theo quy định của pháp luật.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan ở trung ương và tổ chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ

a) Rà soát, đánh giá hạ tầng hiện có, xác định nhu cầu và đề xuất nâng cấp, hiện đại hóa hoặc đầu tư mới; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình đánh giá, lựa chọn và chịu trách nhiệm về tính cấp thiết, tính khả thi, khả năng khai thác, sản phẩm đầu ra và hiệu quả sau đầu tư.

b) Lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai nhiệm vụ, dự án nâng cấp, hiện đại hóa hoặc đầu tư mới theo quy định; ưu tiên kế thừa, nâng cấp, kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung hoặc thuê dịch vụ, bảo đảm không đầu tư trùng lặp, dàn trải.

c) Bố trí, huy động nguồn lực; quản lý, sử dụng tài sản công, nguồn thu hợp pháp và các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư, vận hành, bảo trì, nâng cấp và khai thác hệ thống theo quy định của pháp luật; tổ chức theo dõi, đánh giá và cập nhật dữ liệu, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

d) Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài trong đầu tư, quản lý, vận hành, nghiên cứu, đào tạo và khai thác hệ thống theo quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng phương án nhân sự lõi, nhân sự cơ hữu hoặc chuyên trách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô, lĩnh vực công nghệ, yêu cầu vận hành, an toàn, an ninh, bảo mật và sản phẩm đầu ra.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tạo điều kiện trong kết nối hạ tầng và hỗ trợ bố trí không gian phù hợp cho các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; khuyến khích bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động xã hội hóa để phối hợp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nhà xưởng và mua sắm trang thiết bị nghiên cứu; đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu gắn với giải quyết các bài toán kỹ thuật trọng điểm và phát triển các ngành công nghiệp thế mạnh của địa phương.

6. Các đơn vị quản lý, vận hành

Chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, vận hành, khai thác, an toàn, an ninh, bảo mật dữ liệu, tài sản, nguồn thu và kết quả đầu ra; tổ chức thực hiện phương án vận hành, khai thác dùng chung, bảo trì, nâng cấp và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá, sản xuất thử và thương mại hóa theo chức năng được giao; công khai, cập nhật thông tin trên nền tảng số, thực hiện chế độ báo cáo và phương án khắc phục theo kết quả đánh giá.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2)





Phụ lục

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
I	Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách				
1	Xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, lựa chọn các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an theo phạm vi quản lý	Các bộ, cơ quan ở trung ương, địa phương, và tổ chức liên quan	Hoàn thành tháng 10/2026	Văn bản được ban hành theo thẩm quyền
2	Xây dựng chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động, kết quả đầu ra của các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an theo phạm vi quản lý	Các bộ, cơ quan ở trung ương, địa phương, và tổ chức liên quan	Hoàn thành Quý I/2027	Văn bản được ban hành theo thẩm quyền
3	Xây dựng, ban hành quy định về hoạt động, cơ chế vận hành dùng chung của các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an theo phạm vi quản lý	Các bộ, cơ quan ở trung ương, địa phương, và tổ chức liên quan	Hoàn thành Quý I/2027	Văn bản được ban hành theo thẩm quyền
4	Xây dựng và ban hành quy định về tổ chức, mô hình quản trị, cơ chế thành lập mới, tổ chức lại, giao quản lý và vận hành hệ thống; cơ chế cho phép các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an theo phạm vi quản lý	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, các bộ, ngành và địa phương	Hoàn thành Quý I/2027	Văn bản được ban hành theo thẩm quyền

STT	Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
	nghiệm trọng điểm quốc gia được sử dụng các nguồn tài chính từ dịch vụ theo quy định để tái đầu tư và khoản chi hợp lý khác; cơ chế tuyển dụng, chi trả lương cho người lao động cơ hữu và chuyên gia làm việc tại hệ thống theo mức lương thỏa thuận, gắn với vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện.				
II	Đổi mới cơ chế đầu tư và tài chính				
1	Đề xuất nâng cấp hoặc đầu tư mới các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược, trên cơ sở rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động và mức độ đáp ứng yêu cầu phát triển của các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm hiện có và căn cứ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 808/QĐ-TTg, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược hoặc cấp có thẩm quyền giao.	Bộ, ngành, tổ chức liên quan	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an theo phạm vi quản lý	2026	Hồ sơ đề xuất nâng cấp, đầu tư trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm và phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia của các bộ ngành, tổ chức liên quan.

STT	Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
2	Tổng hợp, đánh giá và lựa chọn các đề xuất trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược theo phạm vi quản lý.	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an theo phạm vi quản lý	Bộ ngành, tổ chức liên quan	2026 - 2027	Danh mục đề xuất được lựa chọn hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét.
3	Lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các nhiệm vụ, dự án nâng cấp, hiện đại hóa hoặc đầu tư mới trên cơ sở kết quả lựa chọn theo quy định của pháp luật; tiếp tục đầu tư 04 phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia theo quy định tại Quyết định số 1017/QĐ-TTg, việc quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác thực hiện theo Quyết định số 1017/QĐ-TTg, Quyết định phê duyệt Đề án này và pháp luật có liên quan bảo đảm không đầu tư trùng lặp.	Bộ ngành, tổ chức liên quan	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an	2026 - 2027	Nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai; hạ tầng được hoàn thành, đưa vào sử dụng theo tiến độ.
4	Đặt hàng hoặc tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn và thử nghiệm cho đơn vị có năng lực phù hợp.	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành, địa phương theo phạm vi quản lý	Đơn vị quản lý, vận hành, doanh nghiệp và tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Danh mục nhiệm vụ được giao, đặt hàng hoặc tài trợ theo quy định.
III	Quản trị, tổ chức vận hành và khai thác dùng chung				

STT	Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
1	Lựa chọn, giao tổ chức quản lý, vận hành; phê duyệt phương án vận hành, nhân sự, kết nối và khai thác dùng chung đối với từng trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia trước khi vận hành chính thức.	Bộ chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền	Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan liên quan	Trước khi vận hành chính thức	Quyết định giao quản lý, vận hành.
2	Rà soát, đề xuất phương án tái cơ cấu các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia được thành lập theo Quyết định số 850/QĐ-TTg và Quyết định số 974/QĐ-TTg, bảo đảm kế thừa năng lực hiện có, tránh lãng phí.	Bộ chủ quản của từng phòng thí nghiệm	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan	Năm 2026 -2027	Phương án xử lý, tái cơ cấu từng phòng thí nghiệm được trình cấp có thẩm quyền.
3	Xây dựng, quản lý và vận hành nền tảng số quản lý hệ thống.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương và đơn vị quản lý, vận hành	- Vận hành Quý II/2027 - Duy trì, cập nhật: 2027-2030.	Nền tảng số quản lý hệ thống được xây dựng và vận hành.
4	Công khai, cập nhật thông tin về năng lực, trang thiết bị, dịch vụ, điều kiện tiếp cận, thời gian sẵn sàng và đầu mối liên hệ trên nền tảng số.	Đơn vị quản lý, vận hành	Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan chủ quản	Thường xuyên từ khi vận hành	Thông tin hạ tầng được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên nền tảng số.
IV	Phát triển nguồn nhân lực				
	Phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu xuất sắc gắn với trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm và phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ ngành, đơn vị quản lý, vận hành	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2026 - 2030	Danh sách nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu xuất sắc gắn với

STT	Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
			đại học và doanh nghiệp		từng trung tâm, phòng thí nghiệm được cơ quan chủ quản phê duyệt hoặc xác nhận.
V	Hợp tác quốc tế				
	Kết nối với trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trong khu vực và quốc tế; thúc đẩy chia sẻ năng lực, sử dụng chung, tham gia chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế.	Bộ chủ quản, đơn vị quản lý, vận hành	Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, ngành, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, thỏa thuận và dự án hợp tác quốc tế.
VI	Giám sát, đánh giá hệ thống				
	Tổ chức đánh giá định kỳ, đột xuất đối với từng đơn vị; tổng hợp, đánh giá toàn hệ thống; yêu cầu thực hiện phương án khắc phục, điều chỉnh hoặc đề xuất thay đổi tổ chức quản lý, vận hành khi không đáp ứng chỉ số đã cam kết.	Bộ chủ quản, cơ quan chủ quản.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ ngành, đơn vị quản lý, vận hành và tổ chức liên quan	Định kỳ hằng năm; sau 03 năm và 05 năm vận hành	Báo cáo đánh giá; phương án khắc phục, điều chỉnh hoặc đề xuất thay đổi đơn vị vận hành.